

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHI LỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 84/2018/ HNGĐ- ST

Ngày: 18.5.2018

*(V/v tranh chấp xin li hôn và quyền
nuôi con chung)*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI LỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đinh Loan Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Cảnh Tứ và bà Lê Thị Hồng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Vương Thanh Minh- Thư kí Tòa án

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc tham gia phiên tòa:* ông Nguyễn Thái Phụng -Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2018/TLST-HNGĐ ngày 30/01/2018 về tranh chấp xin li hôn và quyền nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21 /QĐXX-ST ngày 03 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Trần Thị T- Sinh năm 1994.

Địa chỉ: Xóm T, xã N, huyện N, Nghệ An. Có mặt.

Bị đơn: anh Lê Văn Q- Sinh năm 1993.

Địa chỉ: Xóm T, xã N, huyện N, Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 24.01.2018 của nguyên đơn là chị Trần Thị T và các lời khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Chị và anh Lê Văn Q lấy nhau, đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An vào ngày 05/10/2012 và đã được Ủy ban nhân dân xã cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện nhưng sau khi lấy nhau đã chung sống không hạnh phúc, hay xảy ra va chạm, mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau; anh Q không còn quan tâm tới vợ. Vào năm 2015 chị không thể sống chung với anh Q được nên đã bỏ về bên nhà mẹ đẻ của chị sinh sống cho đến nay. Từ đó vợ

chồng cắt đứt mọi quan hệ, mục đích hôn nhân không đạt, nay không còn tình cảm gì với anh Q nữa; Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Lê Thị Cẩm T, sinh ngày 29/03/2013 (*Giới tính: nữ*). Cháu T hiện nay đang do anh Q nuôi dưỡng, chăm sóc. Hiện nay sức khỏe của chị rất yếu, chưa có công ăn việc làm ổn định, thu nhập chưa có nên chị nhường quyền nuôi con cho anh Q được trực tiếp nuôi cháu T và xin tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Ngoài ra chị không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung và nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Lê Văn Q đã nhận đủ và hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng chỉ đến Tòa án viết bản tự khai; không tham gia phiên hòa giải cũng như phiên họp công khai chứng cứ; không đến Tòa án tham gia phiên Tòa- do vậy, trong hồ sơ chỉ có bản tự khai, ý kiến của phía bị đơn mà không hòa giải được.

Tại lời khai, anh trình bày: Những trình bày của chị T về thời gian, nơi kết hôn là đúng, không có ý kiến gì. Vợ chồng lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện, đã làm lễ cưới. Sau khi lấy nhau hai vợ chồng về ở tại xóm T, xã N, huyện N, Nghệ An. Giữa vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng. Bản thân anh thấy mâu thuẫn chưa đến mức độ vợ chồng phải li thân và cũng không biết lý do gì mà chị T bỏ nhà ra đi cách đây 4 năm cho đến nay, bây giờ lại làm đơn yêu cầu ly hôn. Hiện nay anh đang còn tình cảm với vợ nên đề nghị Tòa án hòa giải để chị quay về để đoàn tụ gia đình, nuôi con trưởng thành. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý.

Về con chung: Anh cũng công nhận vợ chồng có một con chung là Lê Thị Cẩm T, sinh ngày 29/03/2013 (*Giới tính: nữ*). Cháu T hiện nay đang do anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Do anh không đồng ý li hôn nên về vấn đề con cái, tài sản anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua xác minh tại địa phương thì anh Lê Văn Q hiện đang sống tại Xóm T, xã N, huyện N, Nghệ An và đang trực tiếp nuôi con nhỏ là cháu Lê Thị Cẩm T; Chị Trần Thị T không cư trú tại đó.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước lúc nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Việc thụ lý đúng thẩm quyền; xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát, thời hạn giải quyết đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị T. Áp dụng quy định tại Điều 56, 81,82 và Điều 83 luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị được li hôn với anh Lê Văn Q. Chấp nhận giao cho anh được tiếp tục nuôi cháu Lê Thị Cẩm T như trước đến nay để đảm

bảo cuộc sống ổn định cho các cháu- Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp tiền nuôi dưỡng con chung cho chị T như đề nghị của chị. Về tài sản chung, nợ chung do cả hai bên không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

(1.) Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập lời khai các đương sự, họp phiên công khai chứng cứ hợp lệ; việc các đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng. Anh Lê Văn Q đã được giao hợp lệ các văn bản, giấy triệu tập phiên tòa của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng pháp luật.

- Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị T và anh Lê Văn Q khai đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N ngày 05/10/2012 và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn; Không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn tại điều 8, điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy quan hệ hôn nhân đó là hợp pháp.

(2.) Về nội dung:

(2.1) Về tình cảm: Xét chị Trần Thị T và anh Lê Văn Q kết hôn và sau một thời gian chung sống với nhau thì giữa hai bên liên tục phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân là do tính tình không phù hợp, quan điểm sống khác biệt dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Từ năm 2015 cho đến nay hai người sống ly thân, cắt đứt mọi quan hệ. Nguyên nhân mâu thuẫn như chị T trình bày là có cơ sở vì hai bên li thân đã lâu. Mặc dù Tòa án triệu tập với mong muốn hòa giải, phân tích để vợ chồng quay về chung sống nuôi dạy con nhưng chị khẳng định không còn tình cảm nên không muốn hàn gắn cuộc sống vợ chồng. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã phân tích, tạo mọi điều kiện cho chị hóa giải mọi khúc mắc, quay về đoàn tụ nuôi dạy con cái nhưng chị vẫn cương quyết xin li hôn. Xét nguyện vọng xin giải quyết việc hôn nhân của chị Trần Thị T là hợp pháp, không trái đạo đức xã hội nên cần áp dụng điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị được li hôn với anh Lê Văn Q.

(2.2) Về con chung: Xét quá trình chung sống, vợ chồng có một con chung là Lê Thị Cẩm T, sinh ngày 29/03/2013. Cháu T hiện nay đang do anh Q nuôi dưỡng, chăm sóc. Theo chị trình bày thì hiện nay sức khỏe của chị yếu, chưa có công ăn việc làm ổn định, thu nhập chưa có nên chị nhường quyền nuôi con cho anh Q được trực tiếp nuôi cháu T và xin tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung. Thấy rằng trước nay, anh Q là người trực tiếp nuôi cháu T, cháu sinh sống ổn định, phát triển tâm sinh lý bình thường nên mặc dù không có ý kiến của anh nhưng cũng cần chấp nhận ý kiến của chị; Tiếp tục giao cháu T cho anh Lê Văn Q nuôi dưỡng, tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho chị T như từ trước đến

nay là phù hợp với thực tế sống, phù hợp cho cháu ổn định tâm sinh lí, phát triển hoàn thiện, không trái với quy định của pháp luật.

Trường hợp anh Q không đồng ý nuôi con hoặc yêu cầu chị T đóng góp cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

(2.3) Về tài sản: Anh Lê Văn Q không khai nài, yêu cầu với Tòa án giải quyết về tài sản; Tại phiên tòa anh Q vắng mặt; Chị Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét;

Trường hợp anh Lê Văn Q yêu cầu giải quyết về tài sản thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

(2.4) Về án phí: chị Trần Thị T phải chịu 300.000đ án phí li hôn sơ thẩm;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 về Án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về tình cảm: Cho chị Trần Thị T được li hôn anh Lê Văn Q.

2. Về con chung: Giao con chung của chị Trần Thị T và anh Lê Văn Q là cháu Lê Thị Cẩm T, sinh ngày 29/03/2013 (*Giới tính: nữ*) cho anh Lê Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Trần Thị T. Trường hợp anh Lê Văn Q có yêu cầu thay đổi về quyền nuôi con và nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con thì được quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

Chị Trần Thị T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Nếu chị T lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung thì anh Q có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của người đó.

Về tài sản: Không.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí li hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã đóng tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Nghi Lộc theo biên lai số 000 4587 ngày 29.01.2018; Chị Trần Thị T đã nộp đủ án phí.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h. Nghi Lộc;
- Chi cục THA dân sự Nghi Lộc;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Loan Hòa